

Số: 332 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 01 tháng 7 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại và giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 482/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế, bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Thay thế Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

2. Bãi bỏ Quyết định số 453/QĐ-SNN ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND Tỉnh ủy;
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX (Tannd).
- <Tannd T7.2025>



Võ Tấn Đức



QUY ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trực thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai**
(Kèm theo Quyết định số 332 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với viên chức, người lao động Trung tâm và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm.

Điều 2. Vị trí pháp lý, chức năng

1. Vị trí pháp lý: Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định của pháp luật, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thành lập theo quy định của pháp luật, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và sử dụng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.

2. Chức năng: Trung tâm có chức năng tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, thủy lợi; quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, sử dụng rừng, phát triển rừng trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao; tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ nông lâm ngư nghiệp, du lịch sinh thái, giống cây trồng, giống vật nuôi, vật tư nông nghiệp theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hoạt động và trụ sở làm việc

1. Hoạt động

a) Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan liên quan.

b) Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, tự sở làm việc.

2. Trụ sở làm việc: Số 514, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Lĩnh vực khuyến nông

a) Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông trên địa bàn.

b) Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông.

c) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên và nông dân; tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

d) Xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

đ) Phổ biến quy trình sản xuất tiên tiến, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả; thông tin thị trường, giá cả, lịch nông vụ; hướng dẫn phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại.

2. Lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi

a) Tham mưu, xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, đề án về công tác giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn tạo, sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện của địa phương.

c) Thực hiện công tác bảo tồn, lưu giữ và phát triển các nguồn gen, các giống cây trồng, vật nuôi bản địa quý hiếm của tỉnh.

d) Quản lý, vận hành và phát triển trại giống cây trồng và vật nuôi, đảm bảo hoạt động hiệu quả, và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

3. Lĩnh vực nước sạch nông thôn và thủy lợi

a) Đề xuất, xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và thủy lợi; phương thức, mô hình quản lý cấp nước sạch trên địa bàn.

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư các chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, các công trình thủy lợi được cấp có thẩm quyền giao.

c) Quản lý, vận hành, khai thác, duy tu và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống các công trình cấp nước tập trung và thủy lợi do Trung tâm quản lý, đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, liên tục.

d) Tổ chức truyền thông, vận động nhân dân bảo vệ công trình, sử dụng tiết kiệm nước sạch.

đ) Thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng nước theo quy định.

4. Lĩnh vực lâm nghiệp

a) Tham mưu, xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn.

b) Thực hiện trách nhiệm của chủ rừng đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao theo đúng quy định của pháp luật.

c) Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và tổ chức thực hiện.

d) Tổ chức công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

đ) Tổ chức các hoạt động lâm sinh như trồng rừng, chăm sóc, cải tạo và phát triển rừng bền vững.

e) Được cung ứng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng; được sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện chuyên dụng theo quy định.

5. Lĩnh vực dịch vụ

a) Tư vấn và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật có thu trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; tư vấn xây dựng các đề án, dự án nông nghiệp; tư vấn chứng nhận VietGAP và các tiêu chuẩn chất lượng khác.

b) Cung ứng, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...), thiết bị, sản phẩm nông nghiệp đầu vào, đầu ra.

c) Tổ chức và tham gia các hoạt động hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn để quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

d) Thực hiện hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển các hoạt động dịch vụ, chuyển giao khoa học công nghệ theo quy định.

đ) Xây dựng đơn giá dịch vụ đối với các lĩnh vực sự nghiệp nông nghiệp được giao, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

6. Nhiệm vụ chung

a) Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện các chế độ, chính sách, đánh giá đối với viên chức, người lao động của Trung tâm theo phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp các đơn vị liên quan trong công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

c) Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực được giao.

d) Thu thập, xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực hoạt động của Trung tâm.

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan cấp trên.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và các Phó Giám đốc Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ

a) Trung tâm có 05 phòng và 01 trại, gồm:

- Phòng Hành chính.
- Phòng Lâm nghiệp.
- Phòng Khuyến nông.
- Phòng Nước sạch Nông thôn.
- Phòng Dịch vụ.
- Trại Giống cây trồng và vật nuôi.

b) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Trại Giống cây trồng và vật nuôi có Trưởng trại, Phó Trưởng trại và các viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đơn vị trực thuộc

a) Trung tâm có 18 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực (gọi tắt là Trung tâm Khu vực) là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, gồm:

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 1.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 2.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 3.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 4.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 5.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 6.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 7.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 8.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 9.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 10.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 11.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 12.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 13.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 14.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 15.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 16.
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Khu vực 17.
- Trung tâm Khu vực Nông nghiệp Khu vực 18.

b) Các Trung tâm Khu vực có Giám đốc, Phó Giám đốc và các viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Trung tâm Khu vực, Phó Giám đốc Trung tâm Khu vực, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng trại, Phó Trưởng trại thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 6. Vị trí việc làm

Việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp

tỉnh Đồng Nai thực hiện theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong tổng số lượng người làm việc do cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt hàng năm. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm tổ chức tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức và người lao động hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với vị trí việc làm và phân cấp quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương IV **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Trung tâm làm việc theo chế độ Thủ trưởng, vừa đảm bảo phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Các hoạt động của Trung tâm phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Trung tâm, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm và các công việc được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công hoặc ủy quyền.

3. Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, Phó Giám đốc Trung tâm được Giám đốc Trung tâm ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm.

4. Các phòng, trại, đơn vị thuộc Trung tâm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách và trước pháp luật về kết quả hoạt động của phòng, trại, đơn vị về công việc được phân công.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường: Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm báo cáo công tác của Trung tâm với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo định kỳ và yêu cầu đột xuất. Giám đốc Trung tâm báo cáo xin ý kiến Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Đối với đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Trung tâm phối hợp thực hiện công tác chuyên môn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được giao trên địa bàn xã, phường.

Trường hợp có những vấn đề chưa thống nhất, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm:

1. Căn cứ các nội dung của Quy định này để kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp viên chức, người lao động theo hướng tinh gọn, đảm bảo chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch viên chức, người lao động của đơn vị theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

3. Tổ chức triển khai Quy định này đến toàn thể viên chức, người lao động của Trung tâm.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; Giám đốc Trung tâm báo cáo, đề xuất Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật./.